TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH J**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2020
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ,TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tường Thoại.

2. Bà Trần Bích Thuỷ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 616/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2019; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 118/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T; sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thạch L, Thanh B, Nho Q, tỉnh N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H; sinh năm: 1985;

Địa chỉ: 5/21 Thạch H, phường T, thành phố H, tỉnh J; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân thành phố Huế, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thái H tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn số 104/2009 ngày 14 tháng

12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh N. Sau khi cưới, chị T và anhH chung sống hạnh phúc khoảng một năm, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không thể hòa hợp được. Nguyên nhân mâu thuẫn do anhH ham chơi bài bạc, cá độ bóng đá, nhiều lần đem tài sản đi cầm cố phục vụ cho các cuộc vui chơi. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 01 năm 2019 đến nay, nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thái H.

[2] Về con chung: Chị Trương Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thái Hoàng Lâm; sinh ngày 28/3/2009 và Nguyễn Thái Hoàng Hải, sinh ngày 21/02/2011, hiện các cháu đang ở với chị T. Nếu ly hôn, chị Trương Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anhH cố tình không đến nên không có lời khai và không hòa giải được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị T, xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

- Về con chung: giao con chung là Nguyễn Thái Hoàng Lâm; sinh ngày 28/3/2009 và Nguyễn Thái Hoàng Hải, sinh ngày 21/02/2011 cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anhH cấp dưỡng tiền nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị T khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thái H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lí do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Thái H không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự từ bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Toà án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của chị T, kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, ý kiến của chính quyền địa phương nơi anhH, chị T sinh sống và các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thái H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh N vào ngày 14 tháng 12 năm 2009, nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do anhH không chăm lo và không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng anhH vẫn không đến Toà án làm việc. Điều này thể hiện anhH không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ bỏ hôn nhân. Phía chị Trương Thị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau nên cương quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẩn giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thái H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3]. Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thái H có 02 con chung tên là Nguyễn Thái Hoàng Lâm; sinh ngày 28/3/2009 và Nguyễn Thái Hoàng Hải, sinh ngày 21/02/2011. Xét hai cháu hiện nay đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T có nguyện vọng nuôi hai cháu, không yêu cầu anhH cấp dưỡng tiền nuôi con nên giao hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu và anhH không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thái H khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 ủa Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Thái Hoàng Lâm; sinh ngày 28/3/2009 và Nguyễn Thái Hoàng Hải, sinh ngày 21/02/2011 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Lâm, Hải đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). AnhH không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 008883 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố H;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án Dân sự tp H
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Minh Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**